

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 23 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 2128/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Báo cáo thẩm tra số 83/BC-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố; mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên

trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan;

b) Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố.

Điều 2. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Các chức danh thuộc khối đảng:

- a) Văn phòng Đảng ủy;
- b) Tổ chức Đảng ủy;
- c) Tuyên giáo - dân vận;
- d) Kiểm tra Đảng ủy.

2. Các chức danh thuộc khối mặt trận, đoàn thể:

- a) Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- b) Phó chủ tịch Hội Nông dân;
- c) Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- d) Phó chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ;
- đ) Phó bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

3. Các chức danh thuộc khối chính quyền:

- a) Phó chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự;
- b) Văn thư - lưu trữ - thủ quỹ;
- c) Nông - lâm - ngư - diêm nghiệp;
- d) Quản lý Đài truyền thanh - nhà văn hóa;
- đ) Thú y (không bố trí ở những phường thuộc thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi);
- e) Công nghệ thông tin;
- g) Quản lý biển, thủy sản (bố trí ở đơn vị hành chính cấp xã có biển);
- h) Quản lý đô thị (bố trí ở đơn vị hành chính phường, thị trấn).

Điều 3. Việc kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố

1. Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã. Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, khu phố.

2. Trường hợp cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố kiêm nhiệm chức danh khác theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 20 và khoản 4 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 4. Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố

1. Mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng mức phụ cấp hàng tháng từ quỹ phụ cấp được ngân sách Trung ương khoán bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng, bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng mức phụ cấp theo trình độ đào tạo từ nguồn kinh phí ngân sách của địa phương: Trình độ đại học được hưởng 864.000 đồng/người/tháng, trình độ cao đẳng được hưởng 504.000 đồng/người/tháng, trình độ trung cấp được hưởng 342.000 đồng/người/tháng.

Mức phụ cấp theo trình độ đào tạo không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

c) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có tổng mức phụ cấp, trợ cấp hiện hưởng lớn hơn mức phụ cấp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nhưng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo thì được bảo lưu đến tháng 8/2028; trong thời gian này nếu có thay đổi trình độ đào tạo thì được hưởng phụ cấp theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

2. Mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực hải đảo được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

3. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

Ngân sách nhà nước thực hiện khoán kinh phí hoạt động hàng năm cho các tổ chức chính trị - xã hội ở mỗi đơn vị hành chính cấp xã bằng 12.600.000 đồng.

4. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố giữ chức danh Phó trưởng thôn, khu phố được hỗ trợ bằng 1.440.000 đồng/người/tháng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh và bãi bỏ các quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh sau đây: Điều 3 Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 quy định chế độ hỗ trợ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu phố dôi dư do sắp xếp lại tổ chức, nhân sự và chế độ trợ cấp bổ sung hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, khu phố trên địa bàn tỉnh; khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 quy định về chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố và số lượng, chế độ đối với người tham gia công việc ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 23 (chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu - UBTVQH;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08b).Thanh.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh